TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 8 - 2017
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH - TỈNH THÁI BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chu Thị Hồng Nhật.
2. Bà Lê Thị Sinh Chi.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo, Thư ký Tòa án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Thanh.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2017 về Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thu H - sinh năm 1987

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 49, ngõ 24 Phố T, Tổ 16, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình..

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T - sinh năm 1984

Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 07/02, Ngõ 146, Tổ 10, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình.

(Chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu H trình bày và có yêu cầu như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường P,

thành phố B, tỉnh Thái Bình, số đăng ký 36/2012 quyển số 01/2011. Sau khi kết hôn, chị và anh T về sống cùng gia đình chị tại số nhà 49, Ngõ 24, phố Phố T, Tổ 16, phường Đ, thành phố B, tỉnh Thái Bình.. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị và anh T có nhiều điểm khác biệt trong lối sống, các suy nghĩ, từ đó dẫn đến việc vợ chồng hay cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng không thể giải quyết được. Ngoài ra anh T còn chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị và gia đình hai bên đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi nên chị mất lòng tin vào anh T, tình cảm vợ chồng vì thế mà không hàn gắn được. Tháng 6 năm 2016 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị và anh T đã sống ly thân, anh T đã về ở nhà bố mẹ tại số nhà 07/02, Ngõ 146, Tổ 10, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình, còn chị và con ở cùng bố mẹ chị tại Tổ 16, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Mâu thuẫn của chị và anh T hai bên gia đình đều biết và cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay, chị thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm của chị với anh T không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một có chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 25/4/2013, hiện con C đang ở cùng chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung cũng không vay nợ ai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày: Về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn giữa anh và chị H thống nhất như chị H đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh là do hai vợ chồng không hòa hợp nên dẫn đến cãi vã và mâu thuẫn vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh và chị H căng thẳng nên từ tháng 6 năm 2016 đến nay anh và chị H đã sống ly thân. Anh cũng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh T trình bày thống nhất như chị H . Ly hôn anh cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Nhưng nếu chị H có nguyện vọng nuôi con thì anh nhường quyền nuôi con cho chị H nhưng anh có quyền được đón con từ chiều thứ Bảy đến chiều Chủ nhật hàng tuần. Nếu chị H lập gia đình mới anh yêu cầu chị H để con Nguyễn Bảo C cho anh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung, không cho ai vay nợ chung cũng không vay nợ ai chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bà Trương Thị Minh Nguyệt, mẹ của anh Nguyễn Minh T cho biết: Anh T và chị H kết hôn vào năm 2012 đăng ký kết hôn ngày 26/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong. Sau khi kết hôn anh T về ở nhà chị H tại Tổ 16, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, nhưng hộ khẩu thường trú thì vẫn ở Tổ 10, phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình. Mâu thuẫn giữa anh T và chị H cụ thể như thế nào thì bà không rõ nhưng từ tháng 6/2016 đến nay anh T đã về ở cùng nhà với vợ chồng bà tại số nhà 07/02, Ngõ 146, Tổ 10, phường P, thành phố B, còn chị H thì ở cùng bố mẹ chị H tại phường Trần Hưng Đạo. Nay chị H có đơn xin ly hôn, bà mong muốn vợ chồng chị H anh T đoàn tụ, nhưng nếu chị H nhất quyết xin ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T chị H có một có chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 25/4/2013, hiện cháu C đang ở cùng chị H . Nếu chị H và anh T ly hôn, bà tôn trọng quyết định của anh chị, chấp nhận để chị H nuôi con.

Về tài sản chung: Giữa vợ chồng chị H anh T có tài sản gì chung hay không, có nợ chung hay không bà không nắm được nên không có đề nghị gì.

Bà Trần Thị Liên, tổ trưởng tổ dân phố số 10 phường P, thành phố B, tỉnh Thái Bình cung cấp: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984, có hộ khẩu thường trú tại số nhà 07/02, Ngõ 146, Tổ 10, phường P, thành phố B. Thời gian từ tháng 6/2016 đến nay anh T thường xuyên sinh sống và có mặt tại Tổ 10, phường P, thành phố B.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án và bản tự khai tại Tòa nhưng bị đơn không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa xét xử không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, như vậy bị đơn đã từ bỏ quyền của mình. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Minh T. Về con chung: Áp dụng Điều, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử: Giao con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 25/4/2013 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Do các bên không yêu cầu nêu Tòa án không xem xét giải quyết. Về án phí, áp dụng Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, chị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Minh T chỉ gửi cho Tòa án ý kiến về việc xin ly hôn của chị H và có mặt tại Tòa để làm bản tự khai mà không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như không tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Thu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Nguyễn Minh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/9/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về mọi mặt, anh T còn chơi cờ bạc làm mất niềm tin giữa vợ chồng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T, chị H đã được gia đình hòa giải nhưng không giải quyết được nên từ tháng 6/2016 anh T và chị H đã sống ly thân, mỗi người một nơi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh T là có thật và đã kéo dài, ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Minh T là phù hợp.

Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có một con chung là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 25/4/2013 hiện cháu C đang ở cùng chị với H . Xét cháu C còn nhỏ, lại là con gái, cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, xét điều kiện thực tế hiện nay chị H đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và cháu được đảm bảo cả về vật chất, tinh thần, nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung cần giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng .

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh T đều xác định không có tài sản chung, nợ chung, không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, Điều 227, Điều 228, 235, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Bảo C, sinh ngày 25/4/2013 cho chị Đỗ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Minh T.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh T và chị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về quan hệ tài sản: Chị H anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Thái Bình, biên lai thu số 0006482 ngày 24 tháng 5 năm 2017 sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị Thu H ằng, anh Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND TP Thái Bình;*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình;*
- *UBND phường Lê Hồng Phong;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền